

**TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM**



**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**  
**TCCS 02:2015/PLX**  
**DẦU HỎA DÂN DỤNG – YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
*Kerosine – Specifications*

**HÀ NỘI - 2015**



## **Lời nói đầu**

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 02:2015/PLX** thay thế **TCCS 02:2009/PETROLIMEX**.

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 02:2015/PLX** là tài liệu quy định các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm Dầu hỏa dân dụng đã được Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) phê duyệt và công bố áp dụng theo quyết định số: 005/PLX-QĐ-TGD ngày 05 tháng 01 năm 2016.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.



## **Dầu hỏa dân dụng – Yêu cầu kỹ thuật**

### *Kerosine – Specifications*

#### **1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu hỏa dùng cho mục đích dân dụng như thắp sáng và đun nấu.

#### **2. Thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt**

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam.
- ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội Thử nghiệm Vật liệu Mỹ.
- IP: Tiêu chuẩn của Viện dầu mỏ Anh quốc.
- max: Mức cao nhất cho phép của một chỉ tiêu.
- min: Mức thấp nhất cho phép của một chỉ tiêu.
- Dầu hỏa: Là tên hàng hóa của dầu hỏa dân dụng dùng cho mục đích dân dụng như thắp sáng và đun nấu.

#### **3. Tài liệu viện dẫn**

Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

- Quyết định số 1518/QĐ-TĐC ngày 17/10/2007 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp lấy mẫu xăng dầu.
- Quyết định số 904/QĐ-TĐC ngày 22/7/2008 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Hướng dẫn phương pháp lấy mẫu xăng dầu ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-TĐC ngày 17/10/2007 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
- TCVN 2693 (ASTM D93) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín Pensky-Martens.

- TCVN 2694 (ASTM D130) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định độ ăn mòn đồng bằng phép thử tấm đồng.
- TCVN 2698 (ASTM D86) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định thành phần cất ở áp suất khí quyển.
- TCVN 2708 (ASTM D1266) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định hàm lượng lưu huỳnh (Phương pháp đốt đèn).
- TCVN 3171 (ASTM D445) Chất lỏng dầu mỏ trong suốt và không trong suốt - Phương pháp xác định độ nhớt động học (và tính toán độ nhớt động lực).
- TCVN 3172 (ASTM D4294) Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia X.
- TCVN 4354 (ASTM D156) Sản phẩm dầu mỏ - Xác định màu Saybolt (phương pháp so màu Saybolt).
- TCVN 6022 (ISO 3171) Chất lỏng dầu mỏ - Lấy mẫu tự động trong đường ống.
- TCVN 6240:2002 Dầu hoả dân dụng - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 6701 (ASTM D2622) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ tia X.
- TCVN 6702 (ASTM D3244) Xử lý kết quả thử nghiệm để xác định sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 6777 (ASTM D4057) Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công.
- TCVN 7418 (ASTM D1322) Nhiên liệu tuốc bin hàng không - Phương pháp xác định chiều cao ngọn lửa không khói.
- TCVN 7485 (ASTM D56) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín Tag.
- TCVN 8314 (ASTM D4052) Sản phẩm dầu mỏ dạng lỏng - Xác định khối lượng riêng và khối lượng riêng tương đối bằng máy đo khối lượng riêng kỹ thuật số.

- IP 30 Detection of mercaptans, hydrogen sulfide, elemental sulfur and peroxides - Doctor test method (Phát hiện các hợp chất mercaptan, hydrosulfua các lưu huỳnh và peroxit nguyên tố - Phương pháp thử nghiệm Doctor).
- IP 170 Petroleum products and other liquids - Determination of flash point - Abel closed cup method (Sản phẩm dầu mỏ và các chất lỏng khác - Xác định điểm chớp cháy - Phương pháp cốc kín Abel).

#### 4. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Các chỉ tiêu chất lượng và phương pháp thử tương ứng của Dầu hoả dân dụng được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 - Chỉ tiêu chất lượng của Dầu hoả dân dụng**

TT	Tên chỉ tiêu	Mức	Phương pháp thử
1	Điểm chớp cháy cốc kín, °C, min	38	TCVN 2693 (ASTM D93) TCVN 7485 (ASTM D56) IP 170
2	Nhiệt độ cất, °C - 10% thể tích, max - Điểm sôi cuối, max	205 300	TCVN 2698 (ASTM D86)
3	Hàm lượng lưu huỳnh, % khối lượng, max	0,30	TCVN 2708 (ASTM D1266) TCVN 6701 (ASTM D2622) TCVN 3172 (ASTM D4294)
4	Chiều cao ngọn lửa không khói, mm, min	19	TCVN 7418 (ASTM D1322)
5	Ăn mòn đồng ở 100 °C, trong 3 giờ, max	Loại 3	TCVN 2694 (ASTM D130)
6	Độ nhớt động học ở 40 °C, cSt, min-max	1,0-1,9	TCVN 3171 (ASTM D445)
7	Lưu huỳnh mercaptan, định tính	Âm tính	ASTM D4952 IP 30
8	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/l	Báo cáo	TCVN 6594 (ASTM D1298) TCVN 8314 (ASTM D4052)

#### 5. Lấy mẫu thử

Lấy mẫu theo TCVN 6777 (ASTM D4057) hoặc TCVN 6022 (ISO 3171) và quy định hiện hành của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.